TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Hùng Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Khuyến
Ông Nguyễn Duy Khải
- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Anh Đào -Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc: *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 26/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Ấp I, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Thành H, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Tổ A, thônLợi, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Hiện nay đang chấp hành án tại: Đội 15B, Phân trại sốthuộc Trại giamTống L – Bộ C1; địa chỉ: Xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn bà T *và bị đơn ông* H *có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Đỗ Thành H tự nguyện tìm hiểu, chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 14/3/2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01-2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khoảng cuối năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống, vợ chồng có nhiều bất đồng quan sống do tính tình không hợp, nên vợ chồng thường

xuyên cãi vã, xung đột kéo dài. Do đó vợ chồng không còn sự tin tưởng lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên vợ chồng bà T đã sống ly thân từ cuối năm 2013 đến nay, trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn liên lạc cũng như không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau, kinh tế hoàn toàn độc lập. Thời gian vừa qua, bà T mới được biết thông tin việc chồng bà là ông Đỗ Thành H đang phải chấp hành án phạt tù tại: Đội A, Phân trại số A, thuộc Trại giam T1 – Bộ C1 tại xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước. Theo đơn khởi kiện cũng như quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chồng là ông Đỗ Thành H.

[2]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung nên nguyên đơn bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản: Không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 20/6/2024 bị đơn ông Đỗ Thành H trình bày:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Thành H thống nhất nguyên đơn bà T về thời gian sống chung vợ chồng, điều kiện và đăng ký kết hôn như bà T đã trình bày. Ông H cũng xác định, sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian hơn 10 năm sống ly thân, vợ chồng ông H không còn liên lạc cũng như không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau, kinh tế hoàn toàn độc lập. Bản thân ông H hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại GiamTống L – Bộ C1 tại xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước. Nay ông H cũng thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được. Theo đơn khởi kiện cũng như quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ý kiến của ông H đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà T.

[2]. Về con: Ông H cũng thống nhất trình bày bà T, vợ chồng ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Ông H thống nhất với trình bày của bà T, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ: Ông H thống nhất với trình bày của bà T, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*:

Bà Nguyễn Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đỗ Thành H, có địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về "Ly. Căn cứ các Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tốtụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật Hônvà Giađình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T, bị đơn ông H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tốtụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp, đủ các điều kiện về kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 14/3/2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01-2011 nên bà T và ông H là vợ chồng hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà T, lời khai của các bên đương sự thống nhất thừa nhận: Hôn nhân của bà T ông T phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2013, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát, xung đột kéo dài. Từ đó vợ chồng không còn sự tin tưởng, quan tâm và thương yêu lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Do mâu thuẫn không thể dung hòa được nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình đều biết, có khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Trong thời gian hơn 10 năm sống ly thân, vợ chồng không còn sự liên lạc để quan tâm, thương yêu và chăm sóc cho nhau, kinh tế hoàn toàn độc lập. Hiện nay ông H đang phải chấp hành án phạt tù. Điều này cho thấy hôn nhân giữa vợ chồng bà T ông H đã đến mức trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được. Các bên đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nguyên đơn bà T yêu cầu ly hôn, bị đơn ông H đồng ý với yêu cầu của bà T. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông H.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thườngvụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39 và Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tốtụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56 của Luật Hônvà Giađình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thườngvụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn với ông Đỗ Thành H. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Đỗ Thành H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con: Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về tài sản: Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về nợ: Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu. Được khấu trừ vào tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biênthu tiền số 0011217 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

[6] Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thián dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- THADS huyện Phú Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Tây;
- UBND xã Phú Riềng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Hùng Dũng